

DICTATION – UNIT 1 – TRACK 2

Phong: _____, Vy.

Vy: Hi, Phong. _____?

Phong: Just a _____.

Vy: Oh, this is Duy, _____.

Phong: Hi, Duy. _____.

Duy: Hi, Phong. _____, and _____!

Phong: _____. Hmm, _____ looks _____.

Duy: Yes! _____, and _____.

Phong: And _____, Duy! _____!

Duy: _____, Phong. _____ in our _____.

Phong: _____. _____ we can go.

Ghi chú: *Bổ sung một số từ mới sau.*

No.	Word	Meaning
1	ready	sẵn sàng
2	here	ở đây, đây
3	same	giống nhau, cùng
4	heavy	nặng
5	uniform	đồng phục
6	smart	thông minh, lanh lợi